

Số: /BC-UBND

Hòa Mỹ Tây, ngày 08 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình và kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2022
của xã Hòa Mỹ Tây

Kính gửi: Phòng Nội vụ huyện Tây Hoà.

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

I. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

1. Việc xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành chính (CCHC)

Thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 27/01/2022 của UBND huyện về cải cách hành chính nhà nước huyện Tây Hòa năm 2022; UBND xã xây dựng và ban hành các kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện gồm:

- Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 14/02/2022 về cải cách hành chính Nhà nước xã Hòa Mỹ Tây năm 2022;
- Kế hoạch 15/KH-UBND ngày 24/01/2022 về thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;
- Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 25/01/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;
- Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 27/01/2022 về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2022;
- Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 16/02/2022 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn xã Hòa Mỹ Tây;
- Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 24/03/2022 về khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022;
- Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 24/3/2022 về kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC năm 2022 trên địa bàn xã Hòa Mỹ Tây;
- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 30/3/2022 về tuyên truyền CCHC năm 2022;
- Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 29/3/2022 của UBND xã về truyền thông, hỗ trợ công tác kiểm soát TTHC năm 2022;
- Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 30/3/2022 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2022;

- Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 01/3/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn xã;

- Kế hoạch Số 84/KH-UBND ngày 17/5/2022 về thực hiện cải cách hành chính nhà nước xã giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 13/6/2022 về việc thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2026 trên địa bàn xã Hoà Mỹ Tây.

- Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 21/9/2022 về việc đối thoại của lãnh đạo UBND xã với Nhân dân trên địa bàn xã Hoà Mỹ Tây.

- Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 27/12/2021 của UBND xã về việc tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã Hoà Mỹ Tây năm 2022

- Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 về ban hành Quy chế phối hợp tham mưu tổ chức thực hiện công tác CCHC nhà nước của xã Hoà Mỹ Tây.

- Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 về phân công thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC xã giai đoạn 2022-2030.

2. Về kiểm tra công tác CCHC: UBND xã thường xuyên kiểm tra việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC của của các bộ phận chuyên môn để kịp thời nhắc nhở và chấn chỉnh công tác giải quyết TTHC cho tổ chức và công dân.

3. Công tác tuyên truyền CCHC: Ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 25/01/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2025; kế hoạch số 49/KH- UBND ngày 30/3/2022 của UBND xã về tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2022. Việc tuyên truyền được thực hiện thường xuyên và triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính được thông qua tại các cuộc họp, hội nghị, họp triển khai các nhiệm vụ của UBND xã, lồng ghép vào buổi chào cờ sáng thứ hai đầu tuần, thông qua hệ thống đài truyền thanh xã, trang thông tin điện tử của UBND xã.

II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính

1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật: Trong năm 2022, HĐND và UBND xã không ban hành văn bản QPPL.

b) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật: Công tác rà soát văn bản QPPL được chú trọng, chỉ đạo công chức Tư pháp - hộ tịch trực tiếp thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND xã. Trong quá trình rà soát chưa phát hiện vấn đề gì.

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật:

- Tình hình triển khai và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật: Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên, trên địa bàn xã.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật: Tổ chức kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch đã đề ra.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của UBND xã theo quy định của cấp trên:

Công tác cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước được UBND xã triển khai thực hiện đúng quy định.

b) Kiểm soát thủ tục hành chính:

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 27/01/2022 về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2022.

- Thực hiện niêm yết, cập nhật kịp thời đầy đủ các thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đúng theo quy định.

- Chỉ đạo các công chức có liên quan tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: không có tổ chức, cá nhân nào phản ánh, kiến nghị về TTHC.

c) Về công khai thủ tục hành chính:

Thực hiện việc niêm yết công khai các quy trình, quy định về thủ tục hành chính, các loại hồ sơ giấy tờ liên quan, các khoản phí, lệ phí, thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân thuận tiện trong việc liên hệ công tác. Kịp thời thay đổi những văn bản, quy định về công tác cải cách hành chính của cấp trên khi có sự thay đổi. Niêm yết công khai: 31 danh mục gồm 115 TTHC thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa; 6 danh mục gồm 27 TTHC thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông.

d) Về thực hiện cơ chế "một cửa", cơ chế "một cửa liên thông":

- Chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả mở sổ theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, giấy tờ mà tổ chức và công dân đến liên hệ công tác. Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức và công dân, bộ phận một cửa tiếp nhận và viết phiếu hẹn, biên bản giao nhận, trả kết quả cho tổ chức và công dân theo đúng thời gian, không làm cản trở, phiền hà cho tổ chức và nhân dân; Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND xã về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Bộ phận một cửa của UBND xã.

- Phân công cán bộ, công chức làm việc vào sáng ngày thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân theo quy định tại Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt chuẩn theo quy định; cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

- Việc thực hiện thư xin lỗi: không có hồ sơ trễ hẹn nên không thực hiện thư xin lỗi tổ chức và công dân.

- Kết quả giải quyết TTHC của UBND xã trong năm 2022 (Có phục lục bảng tổng hợp kết quả đính kèm).

đ) Việc thực hiện gửi thư chúc mừng, thư chia buồn và thư xin lỗi:

UBND xã đã thực hiện nghiêm túc việc gửi thư chúc mừng, thư chia buồn và thư xin lỗi cho người dân đảm bảo kịp thời, đúng thời điểm.

Tổng số thư UBND xã đã gửi cho người dân trong năm 2022 gồm 213 thư, trong đó: 174 thư chúc mừng và 39 thư chia buồn (*có bảng thống kê chi tiết kèm theo*).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của đơn vị:

- Đội ngũ cán bộ, công chức UBND xã được bố trí, sắp xếp phù hợp với trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND xã, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cá nhân, từng bộ phận chuyên môn và thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

b) Kiểm tra, đánh giá tình hình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan:

Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công thông qua Hội nghị giao ban hàng tháng, nhắc việc vào sáng thứ hai đầu tuần, để kịp thời chấn chỉnh và đề xuất giải pháp thực hiện đúng tiến độ công việc đã phân công.

c) Về thực hiện phân cấp quản lý:

Việc phân cấp quản lý được UBND xã phân công nhiệm vụ rõ ràng theo Quy chế làm việc đã tạo điều kiện thuận lợi, chủ động, linh hoạt trong việc điều hành, đảm bảo hiệu quả, thời gian trong giải quyết công việc. Góp phần rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tăng hiệu quả trong việc triển khai một số nhiệm vụ được cơ quan cấp trên phân cấp.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức:

Vị trí việc làm và cơ cấu công chức của UBND xã được sắp xếp, bố trí đúng theo chuyên môn, vị trí việc làm.

b) Về công chức cấp xã:

Tổng số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã là: 35 người. trong đó: Cán bộ: 11 người; Công chức: 12; những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 12 người. 100% công chức xã đạt chuẩn theo quy định.

- Cử cán bộ, công chức bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ đúng quy định.

c) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức:

Công chức xã được tuyển dụng phải qua khóa thi tuyển công chức xã. UBND xã là đơn vị sử dụng lao động, do đó hàng năm đều có đánh giá phân loại cán bộ, công

chức; thực hiện đầy đủ chế độ khen thưởng và các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức đúng theo quy định. Thường xuyên kịp thời cập nhật và lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức xã đúng theo quy định.

d) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:

Ngay từ đầu năm, UBND xã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức để triển khai thực hiện. Việc cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định của cấp trên, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và tính chất công việc của từng cán bộ, công chức, tạo điều kiện để cán bộ, công chức xã nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

đ) Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức:

UBND xã thực hiện quản lý cán bộ, công chức xã theo quy định. Thực hiện chính sách thu hút trí thức trẻ, hiện tại có 01 trí thức trẻ làm việc tại UBND xã. Trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đều thực hiện thông báo công khai, đúng quy trình hướng dẫn của các cấp.

5. Cải cách tài chính công

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội:

Chế độ tiền lương, chế độ chính sách, các khoản phụ cấp của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách xã, thôn được thực hiện kịp thời đảm bảo đúng theo quy định

b) Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính:

UBND xã đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản công; hàng năm có công khai dự toán ngân sách mua sắm tài sản.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của UBND xã:

Xây dựng và ban hành kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022. Chỉ đạo cán bộ, công chức tăng cường, nâng cao hiệu quả các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc; tăng cường sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, hệ thống thư điện tử công vụ, sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng. 100% cán bộ, công chức đều sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc; 100% văn bản được ký số và thực hiện gửi nhận dưới dạng thư điện tử. Tiếp tục duy trì tốt việc tiếp nhận, đăng nhập và giải quyết hồ sơ TTHC qua cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Phú Yên.

b) Về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong hoạt động UBND xã:

Đầu năm UBND xã ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 21/2/2022 về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

tại UBND xã. Đã góp phần tích cực trong việc giải quyết các công việc chuyên môn của các bộ phận, cá nhân; các quy trình được cụ thể hóa, giảm bớt các giấy tờ, thủ tục không cần thiết nhằm giảm bớt thời gian giải quyết công việc cũng như thời gian của các cá nhân đến giải quyết công việc; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân; từng bước nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức

c) Tình hình triển khai xây dựng trụ sở làm việc UBND xã:

Trụ sở UBND xã đã được xây dựng đảm bảo, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho cán bộ, công chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Công tác cải cách hành chính luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. UBND xã triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, phân công nhiệm vụ thực hiện CCHC cho từng bộ phận, công chức chuyên môn phụ trách. Công tác tự kiểm tra CCHC được quan tâm thực hiện thường xuyên, kịp thời chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế qua kiểm tra. Việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được thực hiện có hiệu quả, tạo điều kiện để giải quyết công việc của người dân thuận lợi, nhanh chóng. Nâng cao được tinh thần trách nhiệm phục vụ Nhân dân, tác phong làm việc của cán bộ, công chức đúng tinh thần Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 03/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan đơn vị

2. Những tồn tại, hạn chế

UBND xã thường xuyên tuyên truyền người dân nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến và qua dịch vụ Bưu chính công ích để được giải quyết, nhưng việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích và hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ ít, lý do: công dân liên hệ trực tiếp tại bộ phận một cửa để giải quyết thủ tục hành chính.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện cải cách hành chính trên 6 nội dung: Cải cách thể chế, cải cách TTHC, cải cách bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng chính quyền điện tử.

2. Nâng cao công tác rà soát văn bản đang thực hiện, kịp thời phát hiện điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp. Nâng cao chất lượng văn bản được ban hành ở địa phương.

3. Nâng cao vai trò người đứng đầu trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thường xuyên kiểm tra (đột xuất và định kỳ), kịp thời phát hiện, xử lý những những hạn chế, thiếu sót liên quan đến CBCC tại bộ phận một cửa.

4. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền công tác cải cách hành chính, phối hợp Mặt trận các đoàn thể chính trị- xã hội của xã triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC thiết thực, hiệu quả

5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động kiểm soát TTHC và tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính.

6. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã, tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi, giải quyết công việc; tích cực nâng cao tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số. Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích để giảm giấy tờ, thời gian đi lại và tiết kiệm chi phí.

7. Tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO vào hoạt động quản lý.

PHẦN II

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ TĂNG CƯỜNG KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ

1. UBND xã chỉ đạo cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách thực hiện nghiêm Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 03/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Phú Yên về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về cải cách hành chính và nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong các cơ quan nhà nước các cấp. Đầu năm UBND xã đã triển khai cho 100% cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách xã đăng ký cam kết về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2022.

2. Thực hiện nghiêm Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính sai sót, trễ hạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến từng cán bộ, công chức, trong năm không có cán bộ, công chức vi phạm phải xin lỗi.

3. Tiếp tục chỉ đạo cán bộ, công chức, nhất là bộ phận Một cửa UBND xã thực hiện Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành quy định xử lý vi phạm trong giải quyết hồ sơ TTHC liên quan đến cá nhân, tổ chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; trong năm không có công dân khiếu nại về kết quả giải quyết TTHC tại xã dẫn đến phải xử lý vi phạm.

4. Thường xuyên quán triệt và chỉ đạo cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã thực hiện nghiêm Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành quy chế văn hoá công sở tại các cơ

quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Phú Yên và các quy định khác (nếu có).

Phần III

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI)

1. Triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI về thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, gắn trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân nói chung và cán bộ, công chức nói riêng trong việc tham gia, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Thực hiện việc công khai danh sách hộ nghèo, các chế độ chính sách, cũng như chính sách hỗ trợ đột xuất đối với người nghèo để nhân dân biết, giám sát thực hiện. Thực hiện nghiêm, đúng quy trình, thủ tục và đảm bảo về thời gian xét hộ nghèo để thụ hưởng các chế độ, chính sách đúng quy định. UBND xã đã tổ chức thông báo công khai kết quả rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo bằng các hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc của UBND xã và tại nhà văn hóa 08 thôn.

3. Các khoản thu – chi ngân sách xã; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất; các khoản thu phí lệ phí, các khoản đóng góp của nhân dân... đều được phổ biến công khai, niêm yết tại trụ sở UBND xã và Nhà văn hóa 08 thôn đồng thời thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã để nhân dân biết, giám sát. Công tác phòng chống tham nhũng được UBND xã tổ chức cho các cán bộ, công chức thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm thực hiện kê khai tài sản và được công khai niêm yết tại trụ sở UBND xã (niêm yết danh sách và bản kê khai thu nhập cá nhân của cán bộ, công chức thuộc diện kê khai).

4. Thực hiện tốt việc tiếp công dân theo quy định để kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. UBND xã đã bố trí phòng tiếp công dân và có lịch tiếp công dân thường xuyên và định kỳ.

5. Tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp HĐND xã ở 08 nhà văn hoá thôn. Qua buổi tiếp xúc cử tri đã tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người dân để có hướng chỉ đạo, điều hành tốt hơn và đồng thời nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của người dân để giải quyết phù hợp.

Trên đây là báo cáo tình hình cải cách hành chính năm 2022 và nhiệm vụ công tác năm 2023 của UBND xã Hòa Mỹ Tây./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện;
- Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Nguyên Vũ

THỐNG KÊ

**Kết quả thực hiện thư xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết
thủ tục hành chính sai sót, trễ hẹn năm 2022 tại UBND xã**
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 08/12/2022 của UBND xã

Phụ lục số 01

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ đang thụ lý, giải quyết trong kỳ	Số hồ sơ phải xin lỗi		Số thư xin lỗi đã phát hành		Ghi chú
			Do sai sót	Trễ hẹn	Xin lỗi tổ chức	Xin lỗi cá nhân	
I	UBND xã Hoà Mỹ Tây						
1	Người có công	0	0	0	0	0	
2	Bảo trợ xã hội	103	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Chứng thực	1753	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Hộ tịch	640	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Đất đai	152	0	0	0	0	
6	Lĩnh vực tiếp công dân	8	0	0	0	0	
7	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo	0	0	0	0	0	
8	Lĩnh vực xử lý đơn thư	8	0	0	0	0	
9	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng	0	0	0	0	0	
10	Lĩnh vực cha, mẹ nhận con	4	0	0	0	0	
Tổng cộng:		2668	0	0	0	0	

Hòa Mỹ Tây, ngày 08 tháng 12 năm 2022

THỐNG KÊ

Tình hình thực hiện thư chúc mừng, thư chia buồn
khi giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân tại UBND xã năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 08/12/2022 của UBND xã)

STT	Thư chúc mừng							Thư chia buồn						
	Kết hôn		Sinh con		Xây nhà mới		Khác	Người thân qua đời		Hỏa hoạn		Thiên tai		Khác
	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số thư đã phát hành
1	78	78	96	96	0	0	0	39	39	0	0	0	0	0

*** Ghi chú:**

+ **Thư chúc mừng:** số thư đã phát hành ít hơn số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết, lý do: có một số hồ sơ đăng ký lại và trễ hẹn nên không thực hiện Thư chúc mừng.

+ **Thư chia buồn:** số thư đã phát hành ít hơn số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết, lý do: người dân đến đăng ký trễ hẹn nên không thực hiện Thư chia buồn.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÒA MỸ TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hòa Mỹ Tây, ngày 08 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 08/12/2022 của UBND xã)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
1.	Người có công	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.	Bảo trợ xã hội	103	0	103	103	103	0	0	0	0	
3.	Lĩnh vực Chứng thực	1753	0	1753	1753	1753	0	0	0	0	
4.	Lĩnh vực Hộ tịch	640	0	640	640	640	0	0	0	0	
5.	Lĩnh vực Đất đai	152	0	152	152	152	0	0	0	0	
6.	Lĩnh vực tiếp công dân	8	0	8	6	6	0	2	2	0	
7.	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8.	Lĩnh vực xử lý đơn thư	8	0	8	6	6	0	0	2	0	
9.	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10.	Lĩnh vực cha, mẹ nhận con	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
	Cộng	2668	0	2668	2664	2664	0	0	0	0	

Phụ lục 01

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
(Ban hành kèm theo Công văn số 289/UBND-NV ngày 04/3/2022 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I.	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	39	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	35	
3.	Kiểm tra CCHC			
	Số phòng, ban, đơn vị; xã, phường, thị trấn đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4	Thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh/ huyện giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	200	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
II.	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
1.	Tổng số VBQPPL¹ do cơ quan, đơn vị tham mưu HĐND, UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã được kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	3	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	2	
2.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
2.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	2668	
2.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	2668	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ việc hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	23	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính (HĐ68)	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	8	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
V.	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công được giao	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (nếu có) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
VII.	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến (các huyện, thị xã, thành phố) <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND huyện đến - 100% UBND các xã, thị trấn.</i>	Chưa có = 0 Đã có = 1	1	
2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
3.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
3.1.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	7	
3.1.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	7	
3.1.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	0	
3.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
3.2.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	21	
3.2.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	21	
3.2.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	9	
3.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
3.3.1	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	28	
3.3.2	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	28	
3.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>			
3.4.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	1080	
3.4.2	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	753	
3.5	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	%	100	
3.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>		
3.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>		